TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BÌNH THẠNH** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1878/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 27 - 09 - 2018
V/v tranh chấp: ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phầnHội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tuấn Kha
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Bùi Thị Cẩm Vân
2. Bà Nguyễn Thị Bính Thân

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Trương Thị Thương – Thư ký Toà án nhân dân quận Bình Thạnh

Ngày 27 tháng 09 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1064/2017/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 05 năm 2017 về tranh chấp "ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 284/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 08 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 227/2018/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 09 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Anh Việt T sinh năm: 1981
Địa chỉ: đường A, phường B, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.
2. Bị đơn: Bà Đỗ Thị Hà P sinh năm: 1982
Địa chỉ: đường X, phường Y, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16/05/2017 và các tài liệu có trong hồ sơ, vụ án có nội dung như sau:

Ông Trần Anh Việt T và bà Đỗ Thị Hà P kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào năm 2011 tại Ủy ban nhân dân phường Y quận Bình Thạnh thành phố Hồ Chí Minh. Trong quá trình chung sống, thời gian đầu chung sống hạnh phúc. Đến đầu năm 2012 thì đôi bên phát sinh nhiều mâu thuẫn, không hòa hợp được với nhau, thường xuyên gây cãi với nhau, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cách sống và lối sống. Mâu thuẫn kéo dài, hai bên không thể hàn gắn được, đến giữa năm 2014 thì đôi bên đã sống ly thân đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên ông Trần Anh Việt T yêu cầu toà án giải quyết ly hôn với bà Đỗ Thị Hà P. Về con chung: có 02 con chung tên Trần Khả T sinh ngày 28/07/2011 và Trần Anh Việt P sinh ngày 30/01/2013, ông T thỏa thuận giao cho bà Đỗ Thị Hà P trực tiếp nuôi dưỡng con chung, hàng tháng ông T cấp dưỡng nuôi 02 con 6.000.000 đồng/tháng (mỗi con 3.000.000 đồng/tháng). Về tài sản chung: tự thỏa thuận giải quyết nên không yêu cầu toà án giải quyết. Về nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 27/06/2017, bị đơn Đỗ Thị Hà P có Bản tự khai trình bày ý kiến: "tôi và ông Trần Anh Viết T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân

phường Y quận Bình Thạnh vào năm 2011. Quá trình chung sống, thời gian đầu chung sống bình thường, đến đầu năm 2013 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong lối sống và cách sống. Ly thân vào tháng 02/2013, đến nay mâu thuẫn không thể giải quyết được nên yêu cầu toà án giải quyết cho ly hôn. Về con chung: có 02 con chung tên Trần Khả T sinh ngày 28/07/2011 và Trần Anh Việt P sinh ngày 30/01/2013, đôi bên thỏa thuận giao cho bà Đỗ Thị Hà P trực tiếp nuôi dưỡng, hàng tháng ông Trần Anh Việt T cấp dưỡng nuôi 02 con 6.000.000 đồng/tháng (mỗi con 3.000.000 đồng/tháng). Về tài sản chung: tự thỏa thuận giải quyết nên không yêu cầu toà án giải quyết. Về nợ chung: không có. Do tính chất công việc không thể xin nghỉ nên đề nghị Tòa sắp xếp giải quyết vụ án sớn để tôi sớm ổn định công việc", ngoài ra bà P không có lời trình bày nào khác vì không đến tòa theo các giấy triệu tập của Tòa án, cũng như không gửi văn bản nêu ý kiến và các chứng cứ tài liệu kèm theo

Ngày 19/09/2018, ông Trần Anh Viết T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên ý kiến yêu cầu như trình bày nêu trên, ngoài ra không có ý kiến yêu cầu gì khác.

Bị đơn Đỗ Thị Hà P đến phiên tòa lần thứ hai vẫn vắng mặt không rõ lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] ***Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:***

Tranh chấp giữa các bên trong vụ án là tranh chấp về ly hôn, bị đơn Đỗ Thị Hà P cư trú tại quận Bình Thạnh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục:

Ngày 19/09/2018 nguyên đơn Trần Anh Viết T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, xét thấy Đơn đề nghị xét xử vắng mặt khi Tòa án mở phiên tòa của ông T là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận đơn và tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

Sau khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, bị đơn Đỗ Thị Hà P đã được Toà án nhiều lần thông báo, triệu tập đến Toà để giải quyết vụ án. Việc cấp, tống đạt, thông báo các văn bản tố tụng được thực hiện hợp lệ, đúng theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự nhưng đến phiên tòa lần hai bà P vẫn vắng mặt không có lý do.

Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

- Về quan hệ hôn nhân: ông Trần Anh Việt T và bà Đỗ Thị Hà P tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn năm năm 2011 tại Ủy ban nhân dân phường Y quận Bình Thạnh thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 15 ngày 20 tháng 01 năm 2011 và Trích lục kết hôn số 285/TLKH-BS ngày 03/04/2017, nên quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà P là hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì trong quá trình chung sống ông T và bà P phát sinh nhiều mâu thuẫn, không hòa hợp được với nhau, thường xuyên gây cãi với nhau, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm về lối sống và cách sống. Mâu thuẫn kéo dài, hai bên không thể hàn gắn được nên đã sống ly thân từ năm 2013 đến nay.

Sau khi tòa án thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án nhiều lần triệu tập bà Đỗ Thị Hà P lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia phiên tòa xét xử nhưng đến lần thứ hai mở phiên tòa bà P vẫn không có mặt, cũng như không cung cấp các tài liệu, chứng cứ chứng minh mong muốn tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân của mình. Việc này thể hiện ý thức chấp hành pháp luật không nghiêm, đồng thời bà P đã tự tước bỏ quyền trình bày nhằm bảo vệ quyền lợi của mình tại tòa và thể hiện bà không quan tâm đến việc duy trì quan hệ hôn nhân của mình.

Xét thấy quan hệ hôn nhận hạnh phúc bền vững phải dựa trên cơ sở tình cảm tự nguyện, thiện chí của vợ chồng cùng nhau xây dựng gia đình. Nhưng tình trạng hôn nhân giữa ông T và bà P đã trở nên trầm trọng không thể hàn gắn, mục đích của hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

- Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: trong thời kỳ hôn nhân ông T và bà P có hai con chung tên Trần Khả Tú sinh ngày 28/07/2011 và Trần Anh Việt Phúc sinh ngày 30/01/2013, ông T có yêu cầu đồng ý giao cho bà Đỗ Thị Hà P trực tiếp nuôi dưỡng con chung, hàng tháng ông T cấp dưỡng nuôi 02 con 6.000.000 đồng/tháng (mỗi con 3.000.000 đồng/tháng) và bà P có Bản tự khai ngày 27/06/2017 trình bày ý kiến là đôi bên thỏa thuận giao cho bà Đỗ Thị Hà P trực tiếp nuôi dưỡng con chung, hàng tháng ông Trần Anh Việt T cấp dưỡng nuôi 02 con 6.000.000 đồng/tháng (mỗi con 3.000.000 đồng/tháng).

Xét thấy giữa ông T và bà P không có tranh chấp về con chung và cấp dưỡng nuôi con, đồng thời xét thấy hai trẻ Trần Khả T và Trần Anh Việt P còn nhỏ, hiện đang do bà P nuôi dưỡng, chăm sóc nên việc tiếp tục giao cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp và đảm bảo lợi ích của trẻ. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu giao cho bà Đỗ Thị Hà P trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, hàng tháng ông Trần Anh Việt T cấp dưỡng nuôi 02 con 6.000.000 đồng/tháng (mỗi con 3.000.000 đồng/tháng).

- Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn Trần Anh Việt T phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng và án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – ông Trần Anh Việt T.

- Về hôn nhân: ông Trần Anh Việt T được ly hôn với bà Đỗ Thị Hà P.

- Về con chung: giao cho bà Đỗ Thị Hà P trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung tên Trần Khả T sinh ngày 28/07/2011 và Trần Anh Việt P sinh ngày 30/01/2013, hàng tháng ông Trần Anh Việt T cấp dưỡng nuôi hai con 6.000.000 đồng/tháng (mỗi con 3.000.000 đồng/tháng). Bắt đầu thi hành từ tháng 09/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày bà P có đơn yêu cầu thi hành án, ông T chậm thi hành số tiền cấp dưỡng nuôi con thì ông T còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự.

Ông Trần Anh Việt T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, khi có lý do chính đáng một hoặc cả hai bên được quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc tiền cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu tòa án giải quyết, nên tòa án không xem xét giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm: ông Trần Anh Việt T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng và án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm ngàn) đồng ông T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0002079 ngày 25/05/2017 của Chi cục thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, ông T phải nộp thêm số tiền án phí là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 12 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự không có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND Tp.HCM;
- VKSND Q.Bình Thạnh;
- Chi cục THA Dân sự Q.Bình Thạnh;
- UBND phường Y Q.Bình Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ

Trần Tuấn Kha